

Bản án số: 55/2024/HSST
Ngày 26 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Bằng và bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/TLST - HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/TLST- HS ngày 27 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 01/10/1984 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị K; vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987, trú tại xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2021).

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 19/12/2023 cho đến ngày 15/01/2024 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đình V; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 15/9/1981 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Đình K (chết) và bà Lê Thị L; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1982, trú tại xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2009).

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 19/12/2023 cho đến ngày 15/01/2024 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

3. Phan Đức M; tên gọi khác: không; Giới tính: nam; sinh ngày 19/5/1980 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông Phan Đức H (chết) và bà Nguyễn Thị D (chết); vợ: Hoàng Thị Kim O, sinh năm 1985, trú tại xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; con: có 04 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2017).

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Sĩ S; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 30/4/1980 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; con ông Nguyễn Đình C (chết) và bà Lê Thị H; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, trú tại xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2016).

Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Ngày 20/8/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” (Bản án số 87/2015/HSPT), đã được xóa án tích); Ngày 28/9/2020 bị công an xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22038/QĐ - XPHC về hành vi “Đánh bạc” và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22040/QĐ - XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Đã thi hành tại biên lai số 8694 ngày 05/10/2020 và biên lai số 8697 ngày 15/10/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Đình C; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 23/11/1986 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Đình K (chết) và bà Lê Thị L; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1991, trú tại xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; con: có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Ngày 04/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tuyên phạt 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (Bản án số 61/2013/HSST, ngày 04/9/2013), đã xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

6. Hoàng Văn T1; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 20/3/1979 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; con ông Hoàng D (chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, trú tại xã X, huyện B; con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2011).

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

7. Nguyễn Xuân P; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 30/9/1974 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; con ông Nguyễn P (chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1975, trú tại xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2003).

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

8. Trần Xuân H; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 01/3/1974 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; con ông Trần Đ (chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ: Mai Thị B, sinh năm 1973, trú tại xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017).

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

9. Thái Ngọc H1; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 10/8/1979 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; con ông Thái Văn M (chết) và bà Nguyễn Thị Q (chết); vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1986, trú tại xã X, huyện B; con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2020).

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

10. Thái Văn V; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 07/01/1994 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Thái Văn V và bà Nguyễn Thị H; vợ: Lê Thị Thu H, sinh năm 1996, trú tại xã X, huyện B; con: có 01 con, sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Ngày 28/9/2020 bị Công an xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22037/QĐ - XPHC về hành vi “Đánh bạc” và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22041/QĐ - XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Đã thi hành tại biên lai số 8693 ngày 05/10/2020 và biên lai số 8698 ngày 15/10/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

11. Lê Xuân Q; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 04/02/1979 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; con ông Lê Minh P và bà Nguyễn Thị D; vợ: Phạm Thị L, sinh năm 1982, trú tại xã X, huyện B; con: có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2022).

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Hải L, sinh năm 1979 ; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Nguyễn Tiến A1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Ngọc M1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Tuấn A2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn 5, xã X, huyện B tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

+ Anh Phan Đức H3, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 29/8/2023 Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Nguyễn Sĩ S, Nguyễn Đình C, Thái Văn V, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và Hoàng Văn T1 cùng trú tại thôn 5, xã X, huyện B ngồi uống cà phê tại quán của T tại thôn 5, xã X. Tại đây, cả nhóm bàn tán về việc có nhiều người trộm Keo tại lô H1, khoảnh 6, tiểu khu 238 thuộc xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch của bà Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1978, trú tại Thôn T, xã V, huyện B. Nghe vậy, Nguyễn Văn T nói với cả nhóm “thấy lô Keo của bà A ai ăn trộm đây trên, hay anh em ta lên cắt vài tán về lấy tiền mà uống rượu”, cả nhóm đồng ý. Khi mọi người về chuẩn bị đồ đi, T gọi điện thoại cho Thái Ngọc H1, trú tại thôn 5, xã X đến và hỏi “Có đi cắt trộm Keo không”, H1 đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày, cả nhóm tập trung trước nhà T, Phan Đức M đem theo 01 máy cưa cầm tay rồi cả nhóm điều khiển xe mô tô đi đến vườn Keo tại lô H1, khoảnh 6, tiểu khu 238 thuộc xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch của bà Nguyễn Thị Tuyết A, T điều khiển xe ô tô 73C - 087.96 lên sau. Tại đây, Phan Đức M và Nguyễn Đình V thay nhau sử dụng 01 máy cưa cầm tay chạy bằng xăng cưa cây Keo và cắt thành các đoạn. T, S, C, V, H1, H, P, Q và T1 chặt tỉa cành, chuyển những thân cây Keo tập kết lại một chỗ và bốc lên xe ô tô 73C - 087.96. Khi Keo được bốc lên đầy xe, T điều khiển xe ô tô chở Keo về đỗ tại đồng chăn nuôi bò (sau trạm y tế xã Xuân Trạch) rồi tiếp tục quay xe lại. Khoảng 02 giờ sáng ngày 30/8/2023, Keo được bốc đầy xe thứ hai, T tiếp tục chở về đỗ sau lưng trạm y tế xã còn mọi người đi về nhà. Khoảng 08 giờ ngày 30/8/2023 Nguyễn Tiến A1, sinh năm 1979, trú tại thôn 5, xã X (là chủ trạm cân Nguyễn Tiến A1) đến quán của Nguyễn Văn T uống cà phê, T đặt vấn đề mua bán Keo với Nguyễn Tiến A1. Hai bên thỏa thuận giá 1.010.000đ/tấn Keo (đã bóc vỏ). Sau đó, T gọi cả nhóm tập trung lại để bóc vỏ số Keo đã cưa trộm được. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Nguyễn Tiến A1 thuê xe ô tô của Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1995, trú tại thôn V, xã T, huyện B chở số Keo trên về trạm cân của Nguyễn Tiến A1 và cân được 15,4 tấn Keo. Nguyễn Tiến A1 trả cho Nguyễn Đình V 15.500.000 đồng. Khoảng 13 giờ cùng ngày, cả nhóm gặp nhau tại nhà T, số tiền 15.500.000 đồng Văn chia đều cho T, M, Văn, S, C, V, H1, H, P, Q và T1 mỗi người 1.000.000 đồng. Còn lại, 4.500.000 đồng cả nhóm ăn nhậu.

Ngoài vụ trộm trên, sáng 31/8/2023, tại lô đất trồng cây Keo lô H1, khoảnh 6, tiểu khu 238 thuộc xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch của bà Nguyễn Thị Tuyết A phát hiện 22.580 tấn Keo đã bị cắt hạ đang nằm tại hiện trường hiện nhưng chưa xác định được

đối tượng thực hiện hành vi. Cơ quan CSĐT công an huyện Bó Trạch đã tách vụ việc làm 01 tin báo riêng để tiếp tục giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL - HĐĐGTS ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bó Trạch kết luận: 15,4 tấn Keo (đã bóc vỏ) trị giá 15.400.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bó Trạch thu giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 73C - 087.96. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bó Trạch đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị K.

Vật chứng chưa xử lý:

- 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STIHL MS381;
- 01 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ mận;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “OPEN”;
- 01 Tua vít dài 17cm;
- 01 Tua vít dài 12,7cm;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “ML6B”;
- 02 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đen gạch;
- 02 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ đen, có dây đeo màu đen;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “AKASHA 9811”;
- 01 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu vàng đen;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “OPEN” “THIẾT BỊ ĐIỆN G8”.

Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Nguyễn Sĩ S, Nguyễn Đình C, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và Hoàng Văn T1 đã bồi thường cho bị hại 15.400.000 đồng theo thỏa thuận. Hiện nay phía bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 46/CT - VKSBT ngày 14/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bó Trạch đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Bó Trạch để xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình Văn, Phan Đức M, Nguyễn Sĩ S, Nguyễn Đình C, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và Hoàng Văn T1 có lý lịch nêu trên, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bó Trạch giữ nguyên Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự như đã nêu trên, và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và Hoàng Văn T1; Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Sĩ S và Nguyễn Đình C; Các Điều 46 và 47 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án đối với các bị cáo.

Đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Thái Văn V từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Nguyễn Sĩ S từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Nguyễn Đình C từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Nguyễn Đình V từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Phan Đức M từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Thái Ngọc H1 từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Trần Xuân H từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Nguyễn Xuân P từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Lê Xuân Q từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Hoàng Văn T1 từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Nguyễn Sĩ S, Nguyễn Đình C, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và Hoàng Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án:

Số vật chứng cơ quan CSĐT đã xử lý đúng pháp luật, nên miễn xét.

Số vật chứng còn lại: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số vật chứng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, gồm:

- 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STIHL MS381;
- 01 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ mận;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “OPEN”;
- 01 Tua vít dài 17cm;
- 01 Tua vít dài 12,7cm;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “ML6B”;
- 02 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đen gạch;
- 02 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ đen, có dây đeo màu đen;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “AKASHA 9811”;
- 01 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu vàng đen;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “OPEN” “THIẾT BỊ ĐIỆN G8”.

Số vật chứng nói trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên miễn xét.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra trong vụ án, có:

- Anh Nguyễn Tiến A1 là người đã mua 15,4 tấn Keo do bị can Nguyễn Văn T bán; ông Nguyễn Ngọc M là người được Nguyễn Tiến A1 thuê xe chở 15,4 tấn keo nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý;

- Bà Nguyễn Thị K là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 73C - 087.96 nhưng không biết bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng xe ô tô trên để làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên không xử lý.

- Anh Nguyễn Tuấn A2 là người cho bị cáo Hoàng Văn T1 mượn xe mô tô 73N8 - 1316; Nguyễn Thị H2 là người cho bị cáo Nguyễn Xuân P mượn xe mô tô 73F1 - 686.52; Phan Đức H3 là người cho bị cáo Phan Đức M mượn xe mô tô 73K4 - 2642 nhưng không biết T1, P và M sử dụng các xe mô tô trên để làm phương tiện đi đến vườn cây Keo của bà Tuyết A để trộm cắp tài sản nên không xử lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo nói lời sau cùng là đã thấy được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ để có điều kiện cải tạo tốt, sớm hoà nhập cộng đồng làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bố Trạch, Điều tra viên Công an huyện Bố Trạch, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lý do mặc dù đã được Tòa án gửi giấy triệu tập đến phiên tòa hợp lệ, tuy nhiên họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người nói trên.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Lời khai nhận tội của các bị cáo, có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tại hồ sơ vụ án không gian, thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, tài sản chiếm đoạt bị phát hiện, kết luận định giá tài sản... hoàn toàn phù hợp nhau. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi và ý thức coi thường pháp luật, đêm 29 rạng sáng ngày 30/8/2023 tại vườn keo lô H1, khoảnh 6, tiểu khu 238 thuộc xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch của chị Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã V, huyện B các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Nguyễn Sĩ S, Nguyễn Đình C, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và Hoàng Văn T1 đã lén lút cưa trộm 15,4 tấn Keo (đã bóc vỏ), trị giá 15.400.000 đồng rồi bán cho ông Nguyễn Tiến A1 trú tại thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch (chủ trạm cân Nguyễn Tiến A1) lấy 15.500.000 đồng chia nhau.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác định nội dung vụ án như trình bày ở trên là hoàn toàn đúng, do vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình Văn, Phan Đức M, Nguyễn Sĩ S, Nguyễn Đình C, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và H1g Văn T1 có lý lịch nêu trên phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[3] Xét tính chất hành vi, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra trong vụ án, thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 15.400.000 đồng (mười lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng) thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên toà về tội danh và khung hình phạt đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nên đối với các bị cáo cần xử phạt mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà ngày hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường đầy đủ trách nhiệm dân sự cho bị hại, được người bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và Hoàng Văn T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bên cạnh đó tất cả các bị cáo đều có đơn trình bày do thiếu hiểu biết pháp luật, nhất thời phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân không có nghề nghiệp ổn định, là trụ cột, lao động chính trong gia đình, nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận.

Ngoài ra:

+ Đối với bị cáo Nguyễn Đình V có bố tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba.

+ Đối với bị cáo Phan Đức M có bố tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.

+ Đối với Nguyễn Sĩ S có Mẹ là người có công với cách mạng, tham gia Thanh niên xung phong trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Đình C có bố tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba.

+ Đối với bị cáo Hoàng Văn T1 có Mẹ tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì.

Do đó, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và Hoàng Văn T1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Sĩ S và Nguyễn Đình C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Trong vụ án bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng và thực hiện tích cực vận chuyển số cây keo tập kết để bán, các bị cáo Nguyễn Sĩ S và Nguyễn Đình C là những người đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội, bị cáo Nguyễn Sĩ S và Thái Văn V đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” và “Sử dụng trái phép chất ma túy” nên khi phân hoá tội phạm thì hình phạt bốn bị cáo nói trên phải tương đương nhau là phù hợp và cao hơn các bị cáo còn lại là đúng quy định. Đối với bị cáo Nguyễn Đình V và Phan Đức M là các bị cáo đã thay nhau dùng cưa máy để cắt cây keo, nên vị trí, vai trò của hai bị cáo này có thấp hơn các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Sĩ S, Nguyễn Đình C và Thái Văn V và cao hơn các bị cáo còn lại là phù H.

Đối với Nguyễn Sĩ S và Nguyễn Đình C là người đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là đã được xóa án tích, người đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; đối với Thái Văn V là người đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Do các bị cáo phạm tội thuộc trường H ít nghiêm T1, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, trị giá tài sản trộm cắp không lớn, đã bồi thường khắc phục đầy đủ trách nhiệm dân sự cho người bị hại, H1 cảnh gia đình các bị cáo quá khó khăn, bản thân không có công việc ổn định, là trụ cột, lao động chính trong gia đình...nên cần xem xét cho các bị cáo cải tạo tại địa phương để có điều kiện cải tạo, lao động giúp đỡ gia đình là đã có tác dụng giáo dục, răn đe riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hiện nay các bị cáo chưa có nghề nghiệp, công việc làm thường xuyên, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

Số vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bồ Trạch đã xử lý đúng pháp luật, nên miễn xét.

Số vật chứng còn lại xử lý như sau: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số vật chứng sau là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, cụ thể:

- 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STIHL MS381;
- 01 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ mận;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “OPEN”;
- 01 Tua vít dài 17cm;
- 01 Tua vít dài 12,7cm;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “ML6B”;
- 02 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đen gạch;
- 02 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ đen, có dây đeo màu đen;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “AKASHA 9811”;
- 01 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu vàng đen;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “OPEN” “THIẾT BỊ ĐIỆN G8”.

Số vật chứng nói trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và Hoàng Văn T1.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Sĩ S và Nguyễn Đình C.

Căn cứ các Điều 46 và 47 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án đối với tất cả các bị cáo.

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q, Hoàng Văn T1, Nguyễn Sĩ S và Nguyễn Đình C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Thái Văn V 12 (mười hai) tháng, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Nguyễn Sĩ S 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Nguyễn Đình C 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Nguyễn Đình V 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Phan Đức M 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Thái Ngọc H1 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Trần Xuân H 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Nguyễn Xuân P 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Lê Xuân Q 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

- Bị cáo Hoàng Văn T1 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Nguyễn Sĩ S, Nguyễn Đình C, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q và Hoàng Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại 92 của Luật thi hành án hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Số vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch đã xử lý đúng pháp luật, nên miễn xét.

Số vật chứng còn lại xử lý như sau: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số vật chứng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, cụ thể:

- 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STIHL MS381;
- 01 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ mận;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “OPEN”;
- 01 Tua vít dài 17cm;
- 01 Tua vít dài 12,7cm;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “ML6B”;
- 02 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đen gạch;
- 02 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ đen, có dây đeo màu đen;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “AKASHA 9811”;
- 01 đèn pin đội đầu có vỏ ngoài bằng nhựa màu vàng đen;
- 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu “OPEN” “THIẾT BỊ ĐIỆN G8”.

Số vật chứng này hiện có tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bố Trạch và có đặc điểm được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 28/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bố Trạch.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình V, Phan Đức M, Thái Văn V, Thái Ngọc H1, Trần Xuân H, Nguyễn Xuân P, Lê Xuân Q, Hoàng Văn T1, Nguyễn Sĩ S và Nguyễn Đình C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2024). Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- Sở TP tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- PV 06 (Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CAQB);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện BT;
- Công an huyện BT;
- Cơ quan THAHS Bồ Trách;
- Chi cục THABT;
- UB xã X, huyện B;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HSVÀ;
- Lưu AV;

Nguyễn Phú Quảng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Phú Quảng

